

BIÊN CHẾ XE KHÓA 48002K24B2005&B2006 (0224AB) HẠNG B2

stt	Họ và tên học viên	Ngày sinh	Địa chỉ	xe	g. chú
1	ĐỖ NGUYỄN MINH HẠNH	16/04/1999	P.24, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	43A-292.88 Nguyễn Đình Ánh	
2	TRẦN DUY HÙNG	30/06/2005	P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng		
3	NGUYỄN THỊ HỒNG MY	02/06/1993	X. Đại Hưng, H. Đại Lộc, T. Quảng Nam		
4	PHAN VĂN THÔNG	05/07/2000	X. Hòa Tiến, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
5	VÕ TRẦN TUẤN KIẾT	07/04/2003	P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
6	TRẦN THỊ ANH THU	01/01/1992	P. Hòa Phát, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	43A-294.65 Võ Phan Chung	
7	NGUYỄN THANH TỬ	17/08/2003	P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
8	BÙI CÔNG NHẬT	01/02/1991	X. Thạch Thắng, H. Thạch Hà, T. Hà Tĩnh		
9	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	20/05/1991	X. Quế Long, H. Quế Sơn, T. Quảng Nam		
10	BÙI THANH TÙNG	13/11/2001	P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng		
11	LƯƠNG QUỐC HẢI	13/07/1998	P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	43A-292.61 Huỳnh Quốc Bảo	
12	NGUYỄN ĐÌNH MINH HUY	28/06/1998	P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
13	PHAN THANH HOÀNG THÀNH	16/12/2003	P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
14	NGUYỄN VĂN QUỐC	20/10/2001	P. Xuân Hà, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
15	HUỲNH NGỌC TRỰC	26/01/2001	P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng		
16	HUỲNH NGỌC ĐỨC	04/10/2003	P. Hòa Phát, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	43A-293.01 Võ Thành Trung	
17	UNG THỊ KIM CHI	02/09/1995	P. An Phú, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam		
18	LÊ THANH HẢI	09/01/2000	P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
19	TRẦN QUỐC KIẾT	24/10/2002	P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng		
20	LÊ ĐỨC TÀI	26/11/1999	P. An Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
21	HOÀNG XUÂN NGỌC	10/08/1991	P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	43A-292.10 Trần Quốc Khánh	
22	NGUYỄN VĂN HÙNG ĐỨC	30/07/2003	P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
23	TRƯƠNG VĂN MẠNH	07/08/2002	P. Hòa Hiệp Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng		
24	NGUYỄN VĂN HIỀN	25/07/1986	P. Mân Thái, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng		
25	LÊ THANH TUẤN	04/11/2002	P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng		
26	ĐINH VÕ TRUNG HIẾU	03/02/2004	P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	43A-293.37 Nguyễn Việt Lâm	
27	VÕ TẤN HÒA	28/08/2002	P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
28	HUỲNH TRỌNG THỊNH	14/05/1999	P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
29	NGUYỄN QUANG VŨ	20/07/2002	X. Hòa Phước, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		

30	NGÔ VĂN SANG	13/10/2003	X. Hòa Nhơn, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng	434-292.58 Lê Huỳnh Đức	
31	PHAN NHƯ TÂN	29/01/2001	X. Hòa Nhơn, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
32	PHẠM VĂN THÔNG	28/11/2003	X. Hòa Nhơn, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
33	NGUYỄN THẮNG	30/11/2003	X. Hòa Phước, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
34	LƯƠNG GIA BẢO	23/11/2003	P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	434-292.72 Huỳnh Trường Giang	
35	VÕ MINH SƠN	05/07/1991	X. Đại Sơn, H. Đại Lộc, T. Quảng Nam		
36	MAI VĂN HẬU	11/09/2003	P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
37	PHẠM MINH HOÀNG	04/02/2001	P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh		
38	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	30/08/2003	P. An Hải Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng		
39	ĐÀO NGỌC NGUYỄN	14/12/1995	P. Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	434-293.88 Nguyễn Hữu Bin	
40	ĐỖ QUỐC HOÀNG	29/11/2003	X. Hòa Sơn, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
41	NGUYỄN VĂN LỘC	31/07/2003	P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
42	NGUYỄN DUY TÙNG	21/04/1999	P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
43	NGUYỄN ANH ĐỒNG	27/02/2003	P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	434-292.82 Giáo Thanh Tùng	
44	NGUYỄN ANH VĂN	27/10/2002	P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng		
45	LÊ VĂN ĐĂNG	03/11/2003	P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
46	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	30/08/2005	P. Thạch Quý, TP. Hà Tĩnh, T. Hà Tĩnh		
47	LÊ HOÀI NAM	19/07/2003	X. Hòa Phú, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 3 năm 2024

TỔ 2 PHỤ TRÁCH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Đình Thanh